

Số: 413/2024/CV-IRS

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

**Công ty: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)**

**Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

**Điện thoại:** (04) 3 944 6666

**Fax:** (04) 3944 6969

**Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Nguyễn Quang Đạt – Người đại diện theo pháp luật.

**Địa chỉ:** Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

**Điện thoại:** (04) 3 944 6666

**Fax:** (04) 3944 6969

**Loại thông tin công bố:**

24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

**Nội dung thông tin cần công bố:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố về **Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được công ty kiểm toán soát xét.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 tháng 08 năm 2024 tại đường dẫn: [www.irs.com.vn/Tin\\_tuc/ IRS công bố thông tin](http://www.irs.com.vn/Tin_tuc/IRS_cong_bu_thong_tin).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2024 đã được công ty kiểm toán soát xét;



**NGUYỄN QUANG ĐẠT**

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm 30/06/2024



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

04

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

05 - 16



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2024.

### **Khái quát Chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 12 năm 2015; Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 7 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 06 năm 2024 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 08/12/2015 thì:

- Vốn Điều lệ của Công ty là: **300.000.000.000 đồng** (Ba trăm tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

### **Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Cao Tấn Thành

Ông Lê Thanh

Ông Vũ Việt Bảo

Ông Lê Tuấn

Bà Vũ Thị Hồng Giang

Ông Hồ Ngọc Toàn

Bà Trần Thị Thu Hương

#### **Chức vụ**

Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)

Thành viên thường trực (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Đạt

Bà Trần Thị Thu Hương

Ông Trần Đức Nam

#### **Chức vụ**

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)

Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2024)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Diệu Trang

#### **Chức vụ**

Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Ông Đoàn Danh Hưng	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Bà Ngô Thị Song Ngân	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)
Bà Phan Thị Mai Hương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2024)

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2024.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**



**Nguyễn Quang Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

Số: 1408.04 -24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 16 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 phù hợp với quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét Thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



**Nguyễn Thị Hồng Vân**  
Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

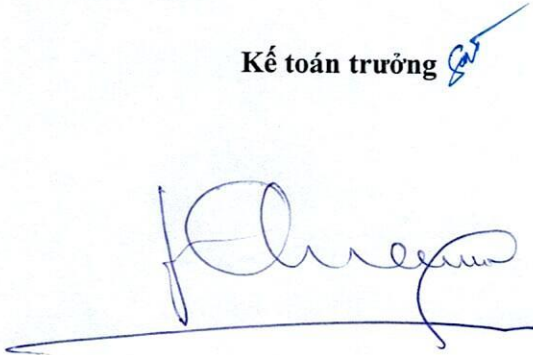
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



**Trần Văn Chiến**

**Nguyễn Hương Giang**

**Nguyễn Quang Đạt**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	300.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	(5.715.000.000)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	124.282.981		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	124.282.981		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	27.516.501.633		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		876.686	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>322.049.190.909</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
5	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
13	Các khoản phải thu khác			

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		164.570.000.000	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
	Tạm ứng			
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		-	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		367.920.159	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>164.937.920.159</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		-	

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		-	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		-	
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		559.920.882	
2	Chi phí trả trước dài hạn		54.560.287	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		13.044.481.687	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>			
	<i>Các chỉ tiêu tài sản</i> bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			<b>13.658.962.856</b>
<b>D</b>	<b>Các khoản ký quỹ, đảm bảo</b>			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>			<b>-</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D</b>				<b>143.452.307.894</b>

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				-
1	Tiền mặt (VND)	-	135.823.261.677	-
2	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	-	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>		-	-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	-	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	-	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
<b>III. Trái phiếu tổ chức tín dụng</b>		-	-	-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
<b>IV. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
<b>Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết</b>				
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
<b>Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết</b>				
8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

<b>A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>83.500</b>	<b>16.700</b>
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	83.500	16.700
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			-	-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			-	-
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng hạn chế giao dịch	40	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	-	-
<b>VII. Chứng khoán phái sinh</b>			-	-
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>VIII. Chứng khoán khác</b>			
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100	-
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành	-	-
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	-	-
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	-	-
<b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro
			Giá trị rủi ro
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>			<b>16.700</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

**B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

Giá trị rủi ro

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	14.371.415
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	-
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác (Thuyết minh 3)	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 4)	-
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>	<b>14.371.415</b>

**1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
<b>Hệ số rủi ro</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,8%</b>	<b>3,2%</b>	<b>4,8%</b>	<b>6,0%</b>	<b>8,0%</b>	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	14.371.415	14.371.415
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>							<b>14.371.415</b>

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tượng được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

**2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-
<b>TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN</b>				-

**3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác**

		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).	100%	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

4. Rủi ro tăng thêm				
TT	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
				-
<b>TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM</b>				-

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG		
	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 30 tháng 06 năm 2024	8.687.832.451
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (thuyết minh I)	355.713.927
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	8.332.118.524
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% x III)	2.083.029.631
V	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	50.000.000.000
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})</b>		<b>50.000.000.000</b>

**1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**

Chi phí khấu hao

Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Chi phí lãi vay

Giá trị

107.319.168



-

248.394.759

355.713.927

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	16.700	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	14.371.415	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	50.014.388.115	
5	Vốn khả dụng	143.452.307.894	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	286,82%	

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Trần Văn Chiến

Nguyễn Hương Giang

Nguyễn Quang Đạt